

Số: /BC-UBND

Đồng Nai, ngày tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quý III năm 2025

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Kế hoạch số 07/KH-UBND ngày 15/7/2025 của UBND tỉnh về cải cách hành chính năm 2025; Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính quý III năm 2025, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trong quý III năm 2025, công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tiếp tục nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát, quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Trên cơ sở định hướng tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 17/5/2021 của Chính phủ và Quyết định số 3183/QĐ-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về Chương trình cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030, UBND tỉnh đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, từng bước hiện đại hóa nền hành chính, đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân và doanh nghiệp trong giai đoạn mới.

1. Kịp thời ban hành các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh sau khi chính quyền hai cấp chính thức đi vào hoạt động như: Kế hoạch cải cách hành chính (số 07/KH-UBND ngày 15/7/2025); Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính (số 30/KH-UBND ngày 03/8/2025); Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính (số 26/KH-UBND ngày 01/8/2025); Kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính (số 42/KH-UBND ngày 11/8/2025); Kế hoạch khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2025 (Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 29/8/2025); Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và cổng dịch vụ công quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (số 225/KH-UBND ngày 27/6/2025); ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Đồng Nai (Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 18/7/2025);

Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và thủ tục hành chính nội bộ năm 2025 trên địa bàn tỉnh (số 49/KH-UBND ngày 13/8/2025)... Trên cơ sở đó, các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường đã nghiêm túc quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng đơn vị, địa phương.

2. Nhằm tạo công cụ đánh giá khách quan, thực chất kết quả cải cách hành chính, ngày 05/8/2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính năm 2025 (*Quyết định số 679/QĐ-UBND*), đồng thời ban hành Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 12/8/2025 về triển khai xác định, chấm điểm bộ chỉ số, làm cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Ngày 13/9/2025, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết công tác cải cách hành chính 9 tháng đầu năm 2025, qua đó đánh giá nghiêm túc kết quả đạt được, chỉ ra tồn tại, hạn chế và đề ra các nhóm giải pháp trọng tâm trong thời gian tới. Tại hội nghị, lãnh đạo các đơn vị, địa phương đã trực tiếp ký cam kết thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính theo đúng tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh.

3. Ngày 21/7/2025, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 457/QĐ-UBND thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 với chức năng nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chiến lược, cơ chế chính sách, các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, triển khai Đề án 06 và cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh, trong đó thành lập Tổ giúp việc Cải cách hành chính do Giám đốc Sở Nội vụ làm Tổ trưởng¹.

4. Thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND tỉnh về kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh, trong Quý III/2025, Sở Nội vụ thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính và kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn tỉnh (*Quyết định số 0195/QĐ-SNV ngày 06/8/2025*) và tiến hành kiểm tra cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính tại 04 Sở và 08 xã, phường². Qua kiểm tra, Đoàn đã ghi nhận và đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo khắc phục một số hạn chế trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính và quy định trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức.

5. Nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp khi chính quyền 02 cấp đi vào hoạt động, UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác cải cách hành chính:

¹ Quyết định số 753/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt danh sách thành viên và chức năng, nhiệm vụ của Tổ Công tác cải cách hành chính tỉnh Đồng Nai

² Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Y tế; Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường. UBND các phường Bình Long, An Lộc; UBND các xã Nha Bích, Tân Hưng, Tân Quan, Đại Phước, Nhơn Trạch, Phước An.

Văn bản số 1101/UBND-HCC ngày 17/7/2025 về việc rà soát các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Văn bản số 2006/UBND-NC ngày 30/7/2025 về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu cung cấp bản sao chứng thực từ bản chính khi thực hiện thủ tục hành chính, Văn bản số 1360/UBND-HCC ngày 22/7/2025 về việc tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện thủ tục hành chính và chuyển đổi số theo chỉ đạo tại Công điện số 111/CD-TTg ngày 17/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 211/KH-UBND ngày 16/6/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 06/8/2025 về Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai... Đặc biệt, tỉnh đã triển khai Chiến dịch 30 ngày “*Nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến*” từ ngày 25/7 đến 25/8/2025 (Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 24/7/2025), thể hiện quyết tâm chính trị cao trong thực hiện chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính; đồng thời, ban hành Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 14/8/2025 về tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong thực hiện cải cách hành chính.

6. Công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính tiếp tục được đẩy mạnh với nội dung phong phú, hình thức đa dạng, tiếp cận trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; theo đó, UBND tỉnh đã ban hành và triển khai Kế hoạch thông tin tuyên truyền về cải cách hành chính năm 2025. Việc tuyên truyền được thực hiện thông qua nhiều hình thức, như: Tổ chức hội nghị về cải cách hành chính; thực hiện thông tin, tuyên truyền đến người dân, doanh nghiệp thông qua bài viết trên Trang thông tin điện tử về cải cách hành chính của tỉnh, Cổng Hành chính công trên Zalo, Trang thông tin điện tử của đơn vị (*đăng hơn 63 tin bài*); bên cạnh đó, mô hình “*Điểm hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến*” tiếp tục được duy trì và phát huy hiệu quả tích cực trong việc hỗ trợ người dân, doanh nghiệp, nhất là các đối tượng yếu thế, người cao tuổi, người không thành thạo công nghệ thông tin, từng bước làm quen và sử dụng thành thạo các dịch vụ công trực tuyến toàn trình, góp phần nâng cao tỷ lệ dịch vụ công phát sinh hồ sơ và tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, công tác lãnh đạo, chỉ đạo cải cách hành chính của các cấp, các ngành trong quý III năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai tiếp tục được quan tâm sâu sát, người đứng đầu các đơn vị, địa phương chủ động, trách nhiệm trong

chỉ đạo thực hiện đạt tiến độ các nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính năm 2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

a) Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật

Từ ngày 15/6/2025 đến nay, tỉnh Đồng Nai đã ban hành 43 văn bản QPPL³. Công tác xây dựng văn bản được thực hiện nghiêm túc, đảm bảo trình tự, thủ tục ban hành văn bản; các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành đảm bảo tính thống nhất, hợp hiến, hợp pháp, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và sau khi ban hành được đăng Công báo theo đúng thời gian quy định và được đăng tải trên Website của tỉnh, cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật để các cơ quan, tổ chức và người dân thuận tiện trong việc tìm kiếm khi có nhu cầu nghiên cứu, tìm hiểu.

b) Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật; tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật

Để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, tỉnh Đồng Nai đã tổ chức Hội thảo trao đổi, lấy ý kiến đối với kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật vào ngày 27/7/2025.

Trong quý III/2025, Chủ tịch UBND tỉnh đã kiện toàn Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh⁴; quy định trình tự, thủ tục công nhận, miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh⁵ và công nhận báo cáo viên pháp luật tỉnh Đồng Nai⁶; tổ chức Hội nghị tập huấn báo cáo viên pháp luật quý II/2025, chuyên đề xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, những điểm mới của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2024 với hơn 220 đại biểu tham dự. Biên tập nội dung, xây dựng và phát hành Video tuyên truyền Luật Hộ tịch; 6.500 tờ gấp tuyên truyền quy định về hòa giải ở cơ sở; 450 cuốn Bản tin phổ biến pháp luật số 02/2025.

c) Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Việc kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, qua đó phát hiện các quy định pháp luật còn chồng chéo,

³ 30 Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai (mới), 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (mới), 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh Đồng Nai (mới), 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ), 04 Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ), 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ).

⁴ Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 03/4/2025

⁵ Quyết định số 734/QĐ-UBND ngày 14/8/2025

⁶ Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 08/9/2025

không còn phù hợp nhằm kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ. Trong kỳ, tỉnh đã tiến hành rà soát ban hành Nghị quyết, Quyết định áp dụng văn bản quy phạm pháp luật khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện sắp xếp, sáp nhập tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra, đã thực hiện tự kiểm tra 35 văn bản quy phạm pháp luật, công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP*). Công tác kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, kịp thời phát hiện những văn bản trái pháp luật, văn bản hết hiệu lực, văn bản không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành hoặc không phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương, qua đó kịp thời kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới để đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và hoàn thiện của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

2.1. Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC

a) Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa quy định kinh doanh theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ:

Ban hành và triển khai Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và thủ tục hành chính nội bộ năm 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 12/8/2025*); đồng thời chỉ đạo các đơn vị, địa phương rà soát 100% thủ tục hành chính nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục, thời gian giải quyết, chi phí thực hiện và sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với việc thực hiện tinh gọn, sắp xếp bộ máy, đồng thời bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

b) Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ:

Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện công tác rà soát công bố, công khai và đề xuất đơn giản hóa TTHC nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước sau khi hoàn thành việc thực hiện sáp nhập các đơn vị, địa phương. Có ý kiến đối với phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ; dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế (lần 2), đồng thời chỉ đạo rà soát, triển khai phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ theo Quyết định số 1852/QĐ-BGDĐT ngày 01/7/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương

Trong quý III/2025, tỉnh Đồng Nai không ban hành văn bản QPPL có quy định về TTHC nên việc tham gia ý kiến, thẩm định, đánh giá tác động đối với dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC không thực hiện. Tất cả TTHC thực hiện tại 02 cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đều thực hiện trên cơ sở các TTHC do Chính phủ và các Bộ, ngành ở Trung ương, UBND tỉnh công bố.

Từ ngày 1/7/2025 đến nay, trên cơ sở các Quyết định của Bộ, ngành Trung ương công bố TTHC, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 118 quyết định công bố Bộ thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử (cấp tỉnh, xã), cụ thể: Ban hành mới: 677 TTHC; sửa đổi, bổ sung, thay thế, chuẩn hóa: 656 TTHC; tổng số TTHC bãi bỏ: 311 TTHC. Về quy trình nội bộ, quy trình điện tử thực hiện TTHC: ban hành mới 652; sửa đổi, bổ sung, thay thế: 568; bãi bỏ: 326 quy trình thực hiện TTHC.

Đề kịp thời triển khai 28 Nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền giải quyết TTHC từ ngày 01/7/2025 theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, trên cơ sở các Quyết định của Bộ, ngành Trung ương, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành 84 Quyết định công bố danh mục TTHC đối với 1.010 TTHC (trong đó, cấp tỉnh (sở/ban/ngành): 735 TTHC; cấp xã: 275 TTHC). Kịp thời công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, triển khai thực hiện cập nhật trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC để có thể tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp ngay từ ngày 01/7/2025 theo thẩm quyền 02 cấp hành chính (cấp tỉnh và cấp xã).

2.3. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

a) Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp

- UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các địa phương rà soát, bố trí trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã; chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì khảo sát hạ tầng công nghệ thông tin, đáp ứng yêu cầu vận hành của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã ngay sau khi hình thành chính quyền địa phương 02 cấp từ ngày 01/7/2025; ban hành Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 25/6/2025 công khai địa chỉ trụ sở, danh mục TTHC tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh và cấp xã; hoàn tất thiết lập và công khai đường dây nóng của Trung tâm cấp tỉnh và UBND cấp xã (Tổng đài 0251.1022). Đồng thời, chỉ đạo Chủ tịch UBND xã, phường niêm yết số điện thoại của người đứng đầu Trung tâm cấp xã tại trụ sở theo chỉ đạo của trung ương.

- Ngày 09/7/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 339/QĐ-UBND quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Quyết định số 340/QĐ-UBND ngày 09/7/2025*); quy định nội quy làm việc của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Quyết định số 2265/QĐ-UBND ngày 29/6/2025*); Quyết định công nhận cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Kiện toàn nhân sự làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, kiện toàn nhân sự đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính, nhân sự đầu mối cấp 2 Tổng đài DVC 1022 tại các Sở, ban ngành, địa phương, đồng thời Chỉ đạo UBND các xã, phường sau sáp nhập thực hiện các nhiệm vụ thành lập và vận hành Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

- Ban hành Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 09/7/2025⁷ quy định việc tổ chức làm việc vào buổi sáng ngày thứ Bảy hàng tuần để tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định 34/2010/QĐ-UBND ngày 02/7/2010 và Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh Đồng Nai; triển khai Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cán bộ, công chức viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (mới). Thực hiện hiệu quả công tác quản trị, vận hành tại trụ sở Trung tâm Phục vụ hành chính công, thường xuyên theo dõi công tác quản lý nhân sự của các Sở, ban ngành làm việc tại Trung tâm; bố trí đầy đủ máy móc, trang thiết bị và các dịch vụ hỗ trợ (photo, công chứng, dịch thuật, bưu điện, thiết bị hỗ trợ tra cứu, nộp hồ sơ trực tuyến,...), đảm bảo đáp ứng yêu cầu hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả TTHC. Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã đón tiếp 25.700 lượt khách đến liên hệ giải quyết công việc và hỗ trợ tư vấn các thủ tục thuộc sở, ban, ngành quản lý (bình quân hơn 500 lượt khách/ngày). Các sở, ban, ngành có lượt khách đến liên hệ nhiều như: Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Sở Tài chính,...

b) Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Tỷ lệ số hoá hồ sơ, kết quả TTHC đạt 97,85% (340.773/348.252 hồ sơ); tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hoá đạt 71,7% (249.725/348.252 hồ sơ); số lượng hồ sơ cấp kết quả điện tử: 319.015 hồ sơ.

c) Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC tại các cấp chính quyền ở địa phương

** Tình hình giải quyết thủ tục hành chính*

⁷ về áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh Đồng Nai thuộc lĩnh vực quản lý của Văn phòng UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (mới)

Theo số liệu thống kê trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh trong từ ngày 01/7/2025 đến ngày 11/9/2025, toàn tỉnh tiếp nhận 319.590 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết TTHC đúng hạn toàn tỉnh đạt 98,78%. Cụ thể:

- Kết quả giải quyết TTHC tại các Sở, ban ngành tỉnh: từ ngày 01/7/2025 đến ngày 11/9/2025 các Sở, ban ngành thực hiện tiếp nhận 110.795 hồ sơ, kết quả đã giải quyết 86.749 hồ sơ, giải quyết đúng và trước hạn 86.078 hồ sơ, trễ hạn 671 hồ sơ, đang giải quyết 29.773 hồ sơ, trong hạn 29.751 hồ sơ, quá hạn 22 hồ sơ; tỷ lệ đúng hạn đạt 99,29%.

- Kết quả giải quyết TTHC tại UBND cấp xã: từ ngày 01/7/2025 đến ngày 11/9/2025, UBND cấp xã thực hiện tiếp nhận 208.795 hồ sơ, kết quả đã giải quyết 198.196 hồ sơ, giải quyết đúng và trước hạn 195.884 hồ sơ, trễ hạn 2.312 hồ sơ, đang giải quyết 10.538 hồ sơ, trong hạn 10.046 hồ sơ, quá hạn 492 hồ sơ; tỷ lệ đúng hạn đạt 98,48%.

** Về triển khai sử dụng dịch vụ công trực tuyến:*

- Tính đến ngày 11/9/2025, tổng số thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh được công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia: 2.176 TTHC. Số lượng dịch vụ công trực tuyến đã thực hiện kiểm thử và tích hợp cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia là 2.054 TTHC, đạt 94,39% (trong đó bao gồm 1.285 dịch vụ công trực tuyến một phần và 769 dịch vụ công trực tuyến toàn trình).

- Theo số liệu thống kê trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, tổng số hồ sơ trực tuyến phát sinh từ ngày 01/7/2025 đến ngày 11/9/2025 của toàn tỉnh là 292.468 hồ sơ, đạt tỷ lệ 93,14%, trong đó số hồ sơ trực tuyến toàn trình là 130.383 hồ sơ, số hồ sơ trực tuyến một phần là 162.009 hồ sơ.

d) Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định và hành vi hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (từ 01/7/2025 đến 12/9/2025): Tổng số PAKN đã tiếp nhận: 2482 (trong đó: kỳ trước chuyển sang là 62, tiếp nhận mới là 2.420), số PAKN đã xử lý đúng hạn: 2.141; số PAKN đang xử lý: 341, số PAKN đã xử lý quá hạn: 01.

Trong quý III/2025, theo kết quả công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ: tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh kiến nghị đạt 91%; tỷ lệ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC đạt 93,71%.

e) Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC

Tính đến ngày 11/9/2025, Tỉnh Đồng Nai được Công dịch vụ công quốc gia đánh giá kết quả triển khai thực hiện Bộ chỉ số 766 đạt 87,55/100 điểm, tăng 1,42 điểm; xếp hạng 02/34 tỉnh, thành phố và tăng 02 bậc thứ hạng so với kết quả đánh giá tính đến tuần thứ 4, tháng 8/2025 trên địa bàn tỉnh (86,13/100 điểm).

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kết quả rà soát, hoàn thiện các quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

Ngày 01/7/2025, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai (mới), hiện nay 13/14 cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đã ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị; 01/14 đơn vị đang thực hiện quy trình ban hành (Thanh tra tỉnh⁸).

Đối với đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh: Về cơ bản sau sắp xếp các đơn vị hoạt động ổn định do hầu hết các đơn vị được chuyển giao, sắp xếp theo hướng giữ nguyên hiện trạng, chức năng nhiệm vụ và tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ được giao trước đó theo quy định. Đến nay, có 02/34 ĐVSN đã trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chức năng, nhiệm vụ⁹.

Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh: Đã có 63/181 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở ban hành quy định chức năng nhiệm vụ¹⁰; các đơn vị còn lại đang tiếp tục rà soát ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức đảm bảo theo quy định.

b) Kết quả rà soát, sắp xếp tổ chức lại các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

Trên cơ sở thực hiện chủ trương, định hướng của Ban Chỉ đạo Trung ương¹¹, chỉ đạo và kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy¹², nhằm đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy tỉnh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị;

⁸ Ngày 30/7/2025, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông tư số 03/2025/TT-TTCT hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁹ Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh (Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17/7/2025); Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 29/8/2025). Ngoài ra, về phía Trường Cao đẳng Bình Phước đã ban hành Quy chế làm việc của Trường Cao đẳng Bình Phước (Quyết định số 52/QĐ-CĐBP ngày 04/8/2025)

¹⁰ 08 đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và môi trường; 05 đơn vị thuộc Sở Tư pháp; 05 đơn vị thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 04 đơn vị thuộc Sở Xây dựng; 37 đơn vị thuộc Sở Y tế; 01 đơn vị thuộc Văn phòng UBND tỉnh; 02 đơn vị thuộc Sở Nội vụ; 01 đơn vị thuộc Sở Công Thương.

¹¹ Kế hoạch số 47-KH/BCĐ ngày 14/4/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW về thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã và tổ chức hệ thống chính quyền địa phương 02 cấp;

¹² Kế hoạch số 453/KH-UBND ngày 18/4/2025 của Tỉnh ủy Đồng Nai về việc sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh; Công văn số 9536-CV/TU ngày 21/4/2025 của Tỉnh ủy Đồng Nai về triển khai sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp;

UBND tỉnh đã xây dựng Đề án sắp xếp các cơ quan hành chính đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước và trình HĐND tỉnh Nghị quyết về việc thành lập cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai (mới).

Sau hợp nhất, về tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh được sắp xếp tinh gọn với tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Đồng Nai (mới) là 14 sở và 01 tổ chức hành chính¹³; giảm được 15 cơ quan, đạt tỷ lệ 50% so với trước khi sắp xếp (30 sở và tương đương). Về các phòng chuyên môn trực thuộc sau sắp xếp còn 106 phòng và tương đương; giảm 87 đầu mỗi phòng trực thuộc đạt tỷ lệ 45,07% so với trước khi sắp xếp (193 phòng và tương đương).

Về đơn vị sự nghiệp công lập: Sau sắp xếp hiện nay, có 34 đơn vị thuộc UBND tỉnh, 181 đơn vị thuộc cơ quan chuyên môn, 01 đơn vị thuộc Chi cục thuộc sở, 38 đơn vị thuộc đơn vị sự nghiệp công lập.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương đảng (khóa XII) và Kết luận số 62-KL/TW ngày 02/10/2023 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW; theo đó, sau hợp nhất đơn vị hành chính cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị liên quan tiếp tục kiện toàn sắp xếp tinh gọn đầu mỗi tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc¹⁴.

c) Đánh giá về tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Đề đảm bảo mô hình chính quyền 02 cấp được thực hiện thông suốt, ngày 06/8/2025, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 694/QĐ-UBND về việc tạm giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính của UBND tỉnh, UBND cấp xã; biên chế viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập, số lượng hợp đồng lao động thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong các đơn vị sự nghiệp giáo dục và y tế công lập, số người làm việc trong các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ sau khi sắp xếp, cụ thể như sau:

- Tạm giao biên chế công chức trong các cơ quan hành chính của UBND tỉnh và UBND cấp xã là 6.611 chỉ tiêu.

¹³ (1) Sở Tư pháp, (2) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (3) Thanh tra tỉnh, (4) Sở Tài chính, (5) Sở Xây dựng, (6) Sở Nông nghiệp và Môi trường, (7) Sở Khoa học và Công nghệ, (8) Sở Nội vụ, (9) Sở Giáo dục và Đào tạo, (10) Sở Y tế, (11) Sở Công Thương, (12) Văn phòng UBND tỉnh, (13) Sở Dân tộc và Tôn giáo; (14) Sở Ngoại vụ.

¹⁴ Trường Cao đẳng Công nghệ Cao Đồng Nai và Trường Cao đẳng Kỹ thuật Đồng Nai; Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh, 22 Ban Quản lý dự án Khu vực; Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh cùng 18 Chi nhánh trực thuộc; Trung tâm y tế trực thuộc Sở Y tế; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tạm giao biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 59.977 chỉ tiêu.

- Tạm giao số lượng hợp đồng chuyên môn, nghiệp vụ tại đơn vị sự nghiệp y tế, giáo dục công lập là 2.845 chỉ tiêu.

- Tạm giao số lượng hợp đồng hỗ trợ, phục vụ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan chuyên môn cấp tỉnh là 537 chỉ tiêu.

- Tạm giao số lượng hợp đồng hỗ trợ, phục vụ tại UBND cấp xã là 2.047 chỉ tiêu.

- Tạm giao số lượng người làm việc tại các tổ chức Hội do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ là 182 chỉ tiêu.

- Tạm giao số lượng người hoạt động không chuyên trách tại UBND cấp xã là 2.848 chỉ tiêu.

Việc tạm giao số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách và hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP sau sắp xếp dựa trên cơ sở hiện trạng nhân sự của các đơn vị, quyết định giao biên chế của cấp có thẩm quyền của tỉnh Đồng Nai (cũ) và tỉnh Bình Phước (cũ) trước sắp xếp, định hướng chung của Trung ương và Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh về sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của cấp tỉnh trước sắp xếp và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ theo lộ trình, đảm bảo trong thời hạn 05 năm cơ bản số lượng biên chế thực hiện theo đúng quy định.

d) Đánh giá kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương

Ngay sau khi sáp nhập tỉnh, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tỉnh Đồng Nai đã chỉ đạo các Sở, ban, ngành khẩn trương rà soát để tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật hoặc Quyết định áp dụng tạm thời văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền cho các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và UBND cấp xã. Hiện nay, các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh đang rà soát và thực hiện trình tự, thủ tục để tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền theo đúng chủ trương về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đảm bảo mục tiêu tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp phải được vận hành thông suốt, hiệu quả, dựa trên nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Đồng thời để thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh trong thời gian thực hiện trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, phân quyền; tỉnh Đồng Nai đã ban hành các Quyết định ủy quyền một số nhiệm vụ, quyền hạn cho Giám đốc các Sở, ban, ngành và Chủ tịch UBND xã thực hiện, bảo đảm sự thống nhất, hiệu quả trong quản lý và điều hành; đồng thời, phát huy tính chủ động, linh hoạt của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương. Hiện nay, các sở ngành đang khẩn trương tham mưu UBND tỉnh phân cấp, ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã đối với các lĩnh vực thuộc ngành lĩnh vực quản lý¹⁵.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Kết quả xây dựng, ban hành các quy định về vị trí việc làm của công chức, viên chức

UBND tỉnh giao Sở Nội vụ hướng dẫn UBND cấp xã xây dựng vị trí việc làm tạm thời trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập cấp xã và lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị địa phương đối với quyết định ủy quyền cho UBND cấp xã phê duyệt Đề án vị trí việc làm các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp xã theo quy định. Sau sắp xếp, Sở Nội vụ đã góp ý đối với 26 Đề án vị trí việc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế và thẩm định Đề án vị trí việc làm của Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án khu vực Đồng Xoài, Ban Quản lý dự án khu vực Bù Đốp; Ban Quản lý cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư.

b) Kết quả thực hiện tuyển dụng công chức, viên chức (thi tuyển, xét tuyển)

Sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp, thực hiện Văn bản số 7415/BNV-CCVC ngày 31/8/2025 của Bộ Nội vụ về việc phương án bảo đảm nhân sự tại cấp xã, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Văn bản số 1469/UBND-KGVX ngày 22/7/2025 về việc khẩn trương, triển khai thực hiện các nhiệm vụ để khắc phục các vướng mắc, khó khăn khi tổ chức vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Trên cơ sở nhu cầu thực tế, UBND tỉnh sẽ xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức nhằm bổ sung nhân sự đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao tại các đơn vị, địa phương.

c) Kết quả thực hiện bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức

UBND tỉnh đã ban hành 04 Quyết định điều động công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; 124 Quyết định tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí công tác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; 12 Quyết định giao quyền điều hành

¹⁵ Tư pháp; Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; Nội vụ; Y tế; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Dân tộc và Tôn giáo...

UBND xã; 04 văn bản thông báo chủ trương công tác cán bộ (Công ty TNHH Dịch vụ Thủy lợi, Công ty XSKT&DVTH Bình Phước, Công ty XSKT&DVTH Đồng Nai, Tổng Công ty công nghiệp thực phẩm); 02 văn bản giới thiệu bổ nhiệm (Công ty xây dựng Bình Phước, Công ty Cao su Bình Phước); 09 Quyết định cử lại người đại diện phần vốn nhà nước; 16 Quyết định tiếp nhận và bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp; 03 văn bản ủy quyền trao quyết định công tác cán bộ; 09 Quyết định điều động, tiếp nhận và bố trí công tác tại Trường Đại học Đồng Nai và Ban Quản lý các Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế; 01 Quyết định giao phụ trách điều hành; 09 Quyết định bổ nhiệm, kiêm nhiệm nhân sự các ban quản lý cửa khẩu.

d) Kết quả thăng hạng viên chức và thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị

- Kết quả thăng hạng viên chức: UBND tỉnh phê duyệt kết quả xét thăng hạng 05 viên chức thuộc Đài Phát Thanh - Truyền hình Đồng Nai (nay là Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai).

- Kết quả thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị: Ngày 09/5/2017, Bộ Nội vụ có Công văn số 2434/HNV-CCVC hướng dẫn và triển khai thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo quản lý vụ, cấp sở, cấp phòng, theo đó tỉnh Đồng Nai không nằm trong danh sách thực hiện thí điểm của Đề án, do đó, trong giai đoạn 2017-2024, tỉnh chưa tổ chức thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị. Tuy nhiên, để triển khai thực hiện việc đổi mới phương thức tuyển chọn công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bằng hình thức thi tuyển trong năm 2025 và những năm tiếp theo theo ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, theo thẩm quyền được phân công, tỉnh đã có văn bản xin ý kiến Bộ Nội vụ xem xét, cho ý kiến về chủ trương tổ chức thí điểm thi tuyển các chức danh lãnh đạo, quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện đảm bảo chặt chẽ, thống nhất, hiệu quả.

e) Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại địa phương: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh về Kiểm tra trách nhiệm công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính năm 2025 và Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 về thành lập Đoàn Kiểm tra trách nhiệm công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý nghiêm minh các tổ chức, cá nhân vi phạm; góp phần nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, ý thức trách nhiệm thực thi công vụ, thái độ giao tiếp ứng xử và chất lượng, hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

g) Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 28/7/2025 về tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ CBCCVC cấp xã; trong đó, đối với lĩnh vực Nội vụ, đã tổ chức tập huấn cho khoảng 295 CBCCVC cấp xã bằng hình thức trực tuyến. Nhằm nâng cao chất lượng, năng lực chuyên môn và kỹ năng thực thi công vụ của đội ngũ CBCCVC; UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn ban hành các văn bản liên quan đến Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh làm cơ sở để các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện¹⁶.

h) Tình hình ban hành và kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút người có tài năng vào làm việc tại các cơ quan nhà nước ở địa phương

Với mục tiêu xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chính sách, giải pháp mạnh, đột phá để thu hút và trọng dụng nhân tài (cả trong và ngoài tỉnh) làm việc tại các cơ quan nhà nước, tập trung các ngành, lĩnh vực mũi nhọn như: khoa học, công nghệ, chuyên đổi số... góp phần đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, tỉnh đã chỉ đạo rà soát, xác định nhu cầu thu hút nhân lực chất lượng cao đến làm việc tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp cung cấp nhu cầu thu hút người có tài năng đến làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 nhằm đánh giá toàn diện, làm cơ sở tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành chính sách thu hút phù hợp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, Thông tư 88/2024/TT-BTC và Quyết định 1391/QĐ-TTg, HĐND, UBND tỉnh ban hành nhiều nghị quyết, quyết định quan trọng về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán thu - chi ngân sách nhà nước (NSNN), kế hoạch đầu tư công, phân cấp nguồn thu - nhiệm vụ chi, nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên và thẩm quyền phê duyệt mua sắm, sửa chữa tài sản, tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý, phân bổ, điều hành ngân sách năm 2025, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính - ngân sách và bảo đảm nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh.

¹⁶ Công văn số 632/SNV-CCVC ngày 18/7/2025 của Sở Nội vụ về rà soát Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025; Công văn số 1656/SNV-CCVC ngày 08/8/2025 của Sở Nội vụ góp ý dự thảo Kế hoạch và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025; Công văn số 2057/SNV-CCVC ngày 17/8/2025 của Sở Nội vụ về việc đôn đốc góp ý dự thảo Kế hoạch và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025; Công văn số 02580/SNV-CCVC ngày 28/8/2025 của Sở Nội vụ và Công văn số 759/VP-KGVX ngày 05/9/2025 của UBND tỉnh về việc xin ý kiến thành viên UBND tỉnh đối với dự thảo Quyết định ban hành Kế hoạch, dự thảo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2025.

a) Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo Kế hoạch được Chính phủ giao

- Thu ngân sách: Năm 2025, ước thu NSNN 80.788 tỷ đồng, đạt 115% dự toán Thủ tướng giao và 110% so cùng kỳ; trong đó thu nội địa 58.598 tỷ đồng (120%), thu xuất nhập khẩu 22.190 tỷ đồng (103%). Tính đến 31/8/2025, thu NSNN đạt 57.091 tỷ đồng, bằng 81% dự toán Thủ tướng và 77% dự toán HĐND tỉnh.

- Chi ngân sách: Năm 2025, ước chi NSNN 54.288 tỷ đồng, đạt 90% dự toán Thủ tướng; chi đầu tư phát triển 16.605 tỷ (112%), chi thường xuyên 26.862 tỷ (110%), chi bổ sung có mục tiêu 9.675 tỷ (48%). Chi CTMTQG đạt 95% dự toán; chi các chương trình mục tiêu đạt 37%; chi chế độ, chính sách 100%.

- Tính đến 31/8/2025, chi thường xuyên đạt 19.632 tỷ đồng (41% dự toán Thủ tướng, 34% dự toán HĐND); chi đầu tư phát triển 12.491 tỷ đồng (71% dự toán Thủ tướng, 73% dự toán HĐND). Nếu loại trừ phần vốn kéo dài, tỷ lệ giải ngân đạt khoảng 45%.

b) Kết quả thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Theo Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Đồng Nai tính tỷ lệ giải ngân năm 2025 là 22.690,4 tỷ đồng; tính đến ngày 10/9/2025, số giải ngân kế hoạch vốn năm 2025 là 11.847,1 tỷ đồng, đạt 52,2% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Trong kỳ, UBND tỉnh ban hành các văn bản báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước (*Văn bản số 2420/UBND-TH ngày 7/5/2025 và 7751/UBND-KTNS ngày 16/6/2025*), kết quả rà soát cho thấy tổng số tiền kiến nghị phải xử lý là 17.403.758 tỷ đồng, đã thực hiện 13.053.565 tỷ đồng, đạt 75%.

5.2. Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công

Đến nay, tỉnh đã hoàn thành việc bố trí trụ sở làm việc cho 337 cơ quan, đơn vị, gồm: khối Đảng, Hành chính tỉnh, Đoàn thể tỉnh, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân, Thi hành án dân sự, UBND xã phường, Công an và Ban chỉ huy quân sự xã, phường.

a) Về trụ sở làm việc

Sau khi sắp xếp chính quyền hai cấp, số cơ sở nhà, đất dôi dư là 204 trụ sở. Thực hiện hướng dẫn tại Văn bản số 4891/BTC-QLCS ngày 15/4/2025 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh đã chỉ đạo rà soát, đối chiếu với tiêu chuẩn, định mức và quy định pháp luật để quyết định phương án xử lý. Việc xử lý được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên chuyển đổi công năng phục vụ công cộng như y tế, giáo dục, thư viện, văn hóa, thể thao... nhằm phát huy giá trị sử dụng, nâng cao hiệu quả

quản lý, khai thác. Đến thời điểm báo cáo, tổng số trụ sở dôi dư là 236; trong đó 82 trụ sở đã có đơn vị đăng ký sử dụng; 154 trụ sở chuyển giao về Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh để quản lý, khai thác theo khoản 3 Điều 36 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Về trang thiết bị làm việc

Máy móc, trang thiết bị cơ bản đã được trang bị đầy đủ; địa phương tiếp tục thực hiện điều hòa từ nơi thừa sang nơi thiếu. Ngày 22/8/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND về mua sắm trang thiết bị phục vụ cấp xã và Bộ phận Hành chính công; yêu cầu UBND cấp xã rà soát, đánh giá nhu cầu và chủ động cân đối từ nguồn ngân sách bổ sung theo Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 25/7/2025. Việc mua sắm thực hiện đúng tiêu chuẩn, định mức tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg và hướng dẫn của Sở Tài chính, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí. Song song đó, tỉnh thống nhất triển khai nâng cấp hệ thống tra cứu, bóc số, hiển thị thông tin tại Trung tâm Hành chính công cấp xã và tỉnh; đầu tư, nâng cấp hệ thống họp trực tuyến tại Đảng ủy, UBND cấp xã, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và chuyển đổi số.

5.3. Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

a) Triển khai thực hiện quy định pháp luật về cơ chế tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập

Trong Quý III/2025, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 2942//UBND-KTNS ngày 12/8/2025 về triển khai thực hiện Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó yêu cầu các đơn vị thực hiện xây dựng phương án tự chủ năm 2025 (*đối với các đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập, hợp nhất, sáp nhập sau sắp xếp*) và giai đoạn 2026-2030. Các ĐVSNCL thực hiện tốt chế độ tự chủ, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, tiết kiệm chi phí, tăng phúc lợi và thu nhập cho cán bộ, viên chức. 100% ĐVSNCL sử dụng hiệu quả nguồn tài chính, trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, công khai minh bạch, chống lãng phí.

Việc giảm chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập để nâng mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện tiết kiệm 3% trên số chi hoạt động hàng năm. Kết quả năm 2025, tổng số NSNN đã hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp nhóm 3 năm 2025 đã giảm trừ số tiền trên 5 tỷ đồng so với tổng số NSNN hỗ trợ chi hoạt động năm 2024.

b) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập

Toàn tỉnh nghiêm túc thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW và Kế hoạch 177-KH/TU, tỉnh đã tinh gọn bộ máy, sáp nhập, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập không phù hợp, giảm gánh nặng ngân sách nhà nước. Tính đến ngày 20/8/2025, toàn tỉnh có 1.407 đơn vị sự nghiệp công lập, trong đó: 14 đơn vị đơn vị nhóm 1; 59 đơn vị nhóm 2; 87 đơn vị nhóm 3¹⁷; 1.128 đơn vị nhóm 4; 119 đơn vị chưa xác định mức độ tự chủ.

Sau sắp xếp, số lượng đơn vị sự nghiệp công lập không giảm so với trước, nhưng giảm 36 đầu mối cấp tỉnh; sắp xếp lại 158 đầu mối cấp huyện¹⁸. Hiện tại, trên địa bàn tỉnh chưa có đơn vị chuyển đổi thành công ty cổ phần - đây cũng là một trong những mục tiêu quan trọng của cải cách tài chính công mà tỉnh Đồng Nai chưa đạt được. Nguyên nhân là do vướng mắc về xác định giá trị tài sản, xử lý đất đai, lao động dôi dư... Thiếu hướng dẫn chi tiết từ cấp Trung ương, đặc biệt với đơn vị có nhiều tài sản công hoặc mang tính đặc thù.

c) Đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công lập theo cơ chế thị trường, thúc đẩy xã hội hóa

Căn cứ Điều 4, Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2, khoản 3, Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ) và Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính, UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành 12 danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước với 22 định mức kinh tế kỹ thuật cho 8 lĩnh vực và 13 đơn giá dịch vụ sự nghiệp công áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tuy nhiên, hiện tỉnh Đồng Nai vẫn đang gặp nhiều khó khăn trong việc xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, cơ cấu các thành phần chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước. Cụ thể tại các lĩnh vực phát thanh, truyền thông, y tế, môi trường, công thương, giáo dục đào tạo nghề... không có khung quy định để thẩm định, ban hành định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng trong một số lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực khoa học và công nghệ chưa được ban hành đầy đủ từ trung ương tới địa

¹⁷ Trong đó: Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên là 04 đơn vị; Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên là 21 đơn vị; Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên là 62 đơn vị

¹⁸ Bao gồm 22 BQL Khu vực; 18 Trung tâm phát triển quỹ đất; 17 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên khu vực 18 trung tâm dịch vụ nông nghiệp khu vực, 22 trung tâm bồi dưỡng chính trị xã và thành lập mới 95 trung tâm dịch vụ tổng hợp cấp xã

phương. Các quy định về tiêu chí đánh giá, định mức tiêu chuẩn, cơ chế giám sát, cách thức đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công chưa được ban hành dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ.

Về xã hội hóa trong cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, UBND tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 3866/QĐ-UBND ngày 05/12/2014 phê duyệt đề án phát triển xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội tỉnh đồng nai giai đoạn 2015 - 2020 nhằm góp phần giải quyết an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh cũng như giảm áp lực cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển kinh tế thì nhu cầu về văn hóa - xã hội của nhân dân ngày càng cao, bên cạnh đó dân số của tỉnh ngày càng tăng nhất là tăng dân số cơ học nên mặc dù có tập trung vốn ngân sách đầu tư cho lĩnh vực văn hóa - xã hội nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Do vậy cần thiết phải vận động đầu tư xã hội hóa để huy động thêm nguồn lực góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Kết quả hoàn thiện thể chế phục vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số ở địa phương

UBND tỉnh ban hành các Quyết định, Chương trình, Kế hoạch về xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số: Kế hoạch 77/KH-UBND ngày 31/8/2025 về triển khai một số nhiệm vụ chuyển đổi số phục vụ mô hình chính quyền 2 cấp; Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 22/8/2025 về triển khai mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chuyên môn tại cấp xã và Bộ phận Hành chính công cấp xã; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 06/8/2025 nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 223/KH-UBND ngày 26/6/2025 thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh Đồng Nai; Kế hoạch 92/KH-UBND ngày 15/9/2025 sửa đổi, bổ sung cập nhật Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 469-KH/TU ngày 16/5/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” trên địa bàn tỉnh Đồng Nai...

b) Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật

Hiện tỉnh có 02 Trung tâm tích hợp dữ liệu: 01 đặt tại phường Trảng Biên và 01 đặt tại phường Bình Phước và đã bố trí đủ hạ tầng, các trang thiết bị đảm bảo vận hành ổn định, thông suốt, an toàn. Tiếp tục thực hiện giải pháp đáp ứng hoàn thiện phương án, thiết bị tối thiểu tại Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Đồng Nai, phục vụ

bảo đảm an toàn, an ninh mạng theo 13 yêu cầu tại Công văn số 1552/BTTTT-THH, Công văn 708/BTTTT-CATTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Kết quả xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng

Thực hiện quản lý khai thác, vận hành Trục liên thông tỉnh Đồng Nai phục vụ kết nối, chia sẻ các ứng dụng dùng chung của tỉnh: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; Phần mềm quản lý văn bản, điều hành dùng chung của tỉnh; CSDL chuyên ngành của các đơn vị trên địa bàn tỉnh; kết nối, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công các Bộ, ngành thông qua trục NDXP của Bộ Khoa học và Công nghệ, trục VDXP của Văn phòng Chính phủ.

d) Kết quả xây dựng, phát triển dữ liệu

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 24/KH-SoKHCN ngày 10/4/2025 về triển khai, thực hiện nhiệm vụ Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030”; thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định.

- 100% cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã đã kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng. Thống nhất sử dụng Trung tâm điều hành thông minh của tỉnh Bình Phước (cũ) cho tỉnh Đồng Nai mới, đang xây dựng phương án di dời Trung tâm Điều hành thông minh từ Bình Phước về trụ sở Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để tiếp tục vận hành.

e) Kết quả xây dựng, phát triển các ứng dụng, dịch vụ nội bộ

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 416/KH-UBND ngày 31/12/2024 về Chuyển đổi số tỉnh Đồng Nai năm 2025, 100% hồ sơ công việc của các cơ quan hành chính nhà nước được xử lý trên môi trường mạng. Đã kết nối liên thông giữa các hệ thống quản lý văn bản và điều hành và với Trục liên thông văn bản quốc gia. Quản lý, đảm bảo Hệ thống quản lý văn bản, điều hành công việc hoạt động thông suốt, hạn chế việc quá tải do phải xử lý lượng thông tin lớn. Các đơn vị ngành dọc như thuế, tòa án, viện kiểm sát, ngân hàng,... đã được tích hợp mã định danh để bảo đảm gửi - nhận văn bản thông suốt. Đối với khối Đảng, đoàn thể, Văn phòng Tỉnh ủy đã phối hợp triển khai cấu hình, đảm bảo liên thông văn bản giữa hệ thống chính quyền và Đảng.

Tính từ ngày 01/7/2025 đến ngày 12/9/2025: Số lượng văn bản điện tử phát sinh của tỉnh: 179.933 văn bản (cấp tỉnh: 59616 văn bản, cấp xã: 12317 văn bản). Hiện, tỉnh đang phối hợp đơn vị cung cấp phần mềm rà soát, bổ sung chức năng tạo lập danh mục hồ sơ, lập hồ sơ công việc và nộp lưu hồ sơ điện tử vào Lưu trữ cơ quan theo đúng yêu cầu tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2025 của Chính phủ. Trước ngày 20/9/2025, dự kiến đưa vào ứng dụng 03 module mới: Lấy ý kiến online, Ký biên bản online và Theo dõi nhiệm vụ.

- Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh: Đã hoàn thiện hợp nhất và đưa vào vận hành Hệ thống báo cáo của tỉnh, hiện đang phối hợp với các sở, ngành cấu hình các biểu mẫu báo cáo nhằm hình thành kho dữ liệu số kết nối Trung tâm điều hành thông minh tỉnh (IOC) phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành các cấp trên môi trường điện tử theo Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh.

- Đã hoàn thiện, bàn giao, tập huấn hướng dẫn quản trị, vận hành và đưa vào hoạt động Cổng thông tin điện tử của tỉnh, 14 sở, ngành và 95 xã, phường trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Tổ số hóa tài liệu, kết nối dữ liệu dùng chung tại văn bản số 67/BCĐ-SHTL ngày 28/4/2025; Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai là đơn vị vận hành Cổng thông tin điện tử tỉnh

- Trang thông tin "Bình Dân Học Vụ Số" tại địa chỉ <https://binhdanhocvuso.dongnai.gov.vn/> là cổng học tập chuyển đổi số của tỉnh Đồng Nai, nhằm cung cấp miễn phí các kiến thức về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, kiến thức, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản, một nền tảng học tập và chia sẻ kiến thức chuyển đổi số dành cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân trên địa bàn tỉnh. Trang web đóng vai trò là một kho học liệu số đa dạng, cung cấp các khóa học trực tuyến dễ hiểu, nhằm nâng cao nhận thức số, trang bị kỹ năng sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI), kỹ năng xử lý văn bản, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, và nhiều nội dung khác liên quan đến chính quyền số, nhân lực số và xã hội số.

g) Kết quả xây dựng, phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, doanh nghiệp

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đã được triển khai đồng bộ, ổn định cho các sở, ngành, UBND các xã, phường để tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân và doanh nghiệp; đảm bảo việc kết nối, tích hợp, chia sẻ với Cổng DVCQG, Hệ thống, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành Trung ương. Từ ngày 01/7/2025, việc cung cấp, tiếp nhận các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh được thực hiện hoàn toàn trên Cổng DVCQG. Tỉnh đã hoàn thành tích hợp, cung cấp DVCTT trên Cổng DVCQG và ban hành Văn bản số 7279/UBND-HCC ngày 10/6/2025 phê duyệt danh mục TTHC triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần; TTHC thực hiện phi địa giới và số hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn kịp thời tích hợp các dịch vụ công trực tuyến, rà soát các chỉ tiêu Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử (*Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ*), trong đó tập trung hướng dẫn số hóa hồ sơ tập trung trọng điểm để thực hiện đảm bảo các mục tiêu yêu cầu nhiệm vụ;

triển khai Chiến dịch 30 ngày “Nâng cao tỷ lệ số hóa hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến trên địa bàn xã, phường tỉnh Đồng Nai” tại Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 24/7/2025. Tính đến ngày 15/9/2025, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Đồng Nai đã cấu hình 100% quy trình điện tử xử lý TTHC trên Hệ thống theo các Quyết định của UBND tỉnh ban hành; phân quyền khai thác, sử dụng Hệ thống cho 5.465 tài khoản là cán bộ, công chức, viên chức của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh bằng tài khoản định danh điện tử mức độ 2.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Công tác cải cách hành chính trong thời gian qua đã được các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh quan tâm triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả quan trọng như: Công tác ban hành, kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc; bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp từng bước được tinh gọn, kiện toàn; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; công tác kiểm soát thủ tục hành chính, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn được duy trì ở mức cao với tỷ lệ trên 98%; hệ thống công nghệ thông tin của tỉnh phục vụ công tác cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp ngày càng hoàn thiện; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến được cải thiện đáng kể, nhiều Sở ngành đạt tỷ lệ 100%; công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính được quan tâm triển khai kịp thời, điều chỉnh phù hợp với điều kiện sáp nhập tỉnh và vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính thời gian qua đã được quan tâm thực hiện, tuy nhiên, vẫn còn tình trạng thiếu quyết liệt, chưa chủ động báo cáo, tham mưu cấp ủy cùng cấp để tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với nhiệm vụ cải cách hành chính tại một số đơn vị, địa phương. Tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng, ban chuyên môn dẫn đến chậm trễ trong triển khai nhiệm vụ và giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp vẫn còn xảy ra.

- Một số cán bộ, công chức, viên chức vẫn còn chưa thực hiện đầy đủ, nghiêm túc về trách nhiệm công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và giờ giấc làm việc theo quy định. Công tác giám sát, theo dõi, kiểm tra cải cách hành chính ở cấp xã chưa được tiến hành thường xuyên, liên tục. Một số nhiệm vụ xây dựng

chính quyền điện tử, chính quyền số còn chậm, chưa đạt yêu cầu; chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp với chính quyền còn thấp.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục quán triệt, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị. Thường xuyên rà soát tiến độ thực hiện các nhiệm vụ; kịp thời tổng hợp, báo cáo các khó khăn, vướng mắc để các sở, ngành liên quan phối hợp xử lý kịp thời.

2. Tập trung chỉ đạo, rà soát tiến độ triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC năm 2025, đặc biệt là các chỉ tiêu: Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn, tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, số hóa hồ sơ, đề xuất đơn giản hóa TTHC đảm bảo tỷ lệ theo quy định.

3. Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, phần mềm, kết nối, chia sẻ dữ liệu; đẩy mạnh truyền thông, hướng dẫn để người dân, doanh nghiệp tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến và thanh toán trực tuyến. Triển khai số hóa hồ sơ, bảo đảm cung cấp đầy đủ song song cả bản giấy và bản điện tử có giá trị pháp lý. Quán triệt 100% lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, đặc biệt là cấp xã, sử dụng chữ ký số trong điều hành và xử lý công việc.

4. Thực hiện rà soát, kiện toàn tổ chức bộ máy sau sắp xếp, bảo đảm ổn định, không gián đoạn hoạt động. Tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với phân bổ nguồn lực và trách nhiệm thực thi; đồng thời tăng cường giám sát, đánh giá khách quan hiệu quả giải quyết TTHC, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

5. Nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra công vụ, cải cách hành chính tại các đơn vị trực thuộc; ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống camera để nâng cao hiệu quả việc thanh tra, kiểm tra; khắc phục tình trạng buông lỏng không kiểm tra, giám sát thường xuyên hoặc có thanh tra, kiểm tra nhưng chưa phát hiện thiếu sót, hạn chế.

6. Tiếp tục tổ chức tập huấn nghiệp vụ cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông năm 2025; quán triệt lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, chức trách nhiệm công vụ trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, đánh giá tổng quan việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các Hệ thống giữa các Bộ ngành và Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các tỉnh để có phương án tháo gỡ các lỗi kết nối, liên

thông, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức thực hiện thông suốt các thủ tục hành chính có liên quan.

2. Kiến nghị Bộ Xây dựng: Một số thủ tục hành chính của ngành Xây dựng có quy trình nghiệp vụ phức tạp, yêu cầu hồ sơ giấy hoặc xác minh liên ngành, kiểm tra thực tế, chưa thể triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Kiến nghị Bộ Xây dựng quan tâm, xem xét ban hành hướng dẫn, quy định nâng các dịch vụ công trực tuyến một phần lên dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Xây dựng, hướng đến mục tiêu 85% hồ sơ dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp được xử lý trực tuyến toàn trình.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính quý III năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ 03 tháng cuối năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ cải cách hành chính - Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm soát TTHC - Văn phòng chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành; Thuế tỉnh; Chi cục Hải quan khu vực XVIII; Công an tỉnh; Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Ngân hàng Nhà nước khu vực 2;
- UBND các xã, phường.
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn

Phụ lục
Thống kê số liệu báo cáo cải cách hành chính của tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 9 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Biểu mẫu 1
Công tác chỉ đạo điều hành CCHC

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	52	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(Lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	82%	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	46	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	38	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	4	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	8	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	10	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
4.	Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	75	
4.1.1.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	40	
4.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3.	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	02	
5.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	Khảo sát trực tuyến trên Cổng DVC của tỉnh và trực tiếp tại quầy
6.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Biểu mẫu 2
Cải cách thể chế

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL¹⁹ do địa phương ban hành	Văn bản	274	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	44	30 Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai (mới), 01 Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai (mới), 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh Đồng Nai (mới), 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh Đồng Nai (cũ), 04 Quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai (cũ), 03 Nghị quyết của HĐND tỉnh Bình Phước (cũ)
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	230	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	230	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	100	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	22	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	5	
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	230	230
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100	100
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	22	22
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	5	5

¹⁹ 1 Văn bản quy phạm pháp luật.

Biểu mẫu 3
Cải cách thủ tục hành chính

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	101	UBND tỉnh đã ban hành QĐ phương án ĐGH đối với 04 ngành: Y tế, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	677	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	311	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.177	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	1.872	
1.4.2.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	396	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	%	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phục thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	1.988	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,29%	Tỷ lệ chung trên PM iGate
3.1.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	86.749	
3.1.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	86.078	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,48%	
3.2.1.	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	198.196	
3.2.2.	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	195.884	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	86,26%	Tiếp nhận qua Cổng DVCQG và Tổng đài DVC 1022
3.3.1.	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	2.482	
3.3.2.	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	2.141	còn 341 PAKN đang xử lý (01 PAKN trễ hạn)

Biểu mẫu 4
Cải cách tổ chức bộ máy

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	4	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	3	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.335	
1.5.1.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	34	
1.5.2.	Số ĐVSNNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	181	
1.5.3.	Số ĐVSNNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	1.119	
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	6611	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	6611	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	4892	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	65289	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	59012	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	5,12	

Biểu mẫu 5
Cải cách chế độ công vụ

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	22	Hiện nay, các đơn vị đang rà soát xây dựng vị trí việc làm theo cơ cấu sau sắp xếp tổ chức bộ máy
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	120	Hiện nay, các đơn vị đang rà soát xây dựng vị trí việc làm theo cơ cấu sau sắp xếp tổ chức bộ máy
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người		
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)	Người	0	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	

Biểu mẫu 6
Cải cách tài chính công

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	52,2	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	22.690.400	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	11.847.000	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.407	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	14	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	59	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	87	
2.4.1.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	4	
2.4.2.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	21	
2.4.3.	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>	62	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	1.128	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Biểu mẫu 7
Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	Sở Khoa học và Công nghệ sẽ tiến hành xây dựng, dự kiến hoàn thành, trình UBND tỉnh ban hành Khung Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Đồng Nai (phiên bản 4.0) trong tháng 12/2025
2.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
3.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
3.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
3.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh.</i>	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
3.2.1.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
3.2.2.	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã</i>	%	100	
4.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	79.9%	
4.1.1.	<i>Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	962	
4.1.2.	<i>Số lượng DVCTT toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	769	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	63%	
4.2.1.	<i>Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)</i>	<i>Thủ tục</i>	742	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.2.2.	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	Thủ tục	468	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	93 %	
4.3.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Thủ tục	144.814	
4.3.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Thủ tục	134.679	
4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	92%	
4.4.1.	Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	167.022	
4.4.2.	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần	Hồ sơ	155.123	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
4.5.1.	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	Thủ tục	1047	
4.5.2.	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	1047	